

Soạn bài Ca dao hài hước - Ngữ văn lớp 10

Câu 1. Bài ca dao 1

- Việc dẫn cưới và thách cưới ở đây có gì khác thường? Cách nói của chàng trai và cô gái có gì đặc biệt? Từ đó anh (chị) hãy nêu cảm nhận của mình về tiếng cười của người lao động trong cảnh nghèo.

- Bài ca dao có giọng điệu hài hước, dí dỏm, đáng yêu là nhờ những yếu tố nghệ thuật nào?

Trả lời:

- Việc dẫn cưới và thách cưới khác thường:

+ Lời của chàng trai: Đề cưới nàng, chàng trai đã có những dự định thật to tát. Chàng muốn có một đám cưới linh đình nhưng vì những lí do khách quan nên những dự định của chàng không thực hiện.

Muốn dẫn voi → sợ quốc cấm

Muốn dẫn trâu → sợ họ máu hàn

Muốn dẫn bò → sợ họ nhà nàng co gân

Không phải là chàng không muốn làm cho nhà gái nở mày nở mặt bằng một lễ vật sang trọng mà là vì chàng lo lắng, quan tâm tới sức khỏe của họ.

Cuối cùng, chàng quyết định: “*Miễn là có thú bốn chân - Dẫn con chuột béo, mời dân mời làng*” Lí lẽ của chàng trai thật thông minh, cũng thật hóm hỉnh, đáng yêu.

Thực ra, chi tiết dẫn cưới bằng chuột là một chi tiết hư cấu (bởi dù nghèo cỡ mấy cũng chẳng ai dẫn cưới bằng chuột cả!). Nó thể hiện niềm lạc quan, yêu đời, cũng là tiếng cười tự trào của chàng trai đối với hoàn cảnh của mình.

+ Lời nói của cô gái: vô tư, dí dỏm và tươi vui. Cô gái không mặc cảm, không tủi thân vì cảnh nghèo, trái lại, lạc quan vô cùng

- Bài ca dao có giọng điệu hài hước, dí dỏm, đáng yêu là nhờ các yếu tố nghệ thuật:

+ Biện pháp khoa trương, phóng đại: *dẫn voi, dẫn trâu, dẫn bò*.

+ Lời nói giảm dần:

Voi → trâu → bò → chuột → (chàng trai)

Soạn bài Ca dao hài hước - Ngữ văn lớp 10

Củ to → củ nhỏ → củ mẻ → củ rím, củ hà (cô gái).

+ Cách nói tương ứng: *Dẫn voi / sợ quốc cấm - Dẫn trâu / sợ họ máu hàn...*

Câu 2: Bài ca dao 2, 3, 4

Đọc các bài ca số 2, 3, 4 có gì khác với tiếng cười ở bài 1? Tác giả dân gian cười những con người nào trong xã hội, nhằm mục đích gì, với thái độ ra sao? Trong cái chung đó, mỗi bài lại có nét riêng thể hiện nghệ thuật trào lộng sắc sảo của người bình dân. Hãy phân tích làm rõ vẻ đẹp riêng của mỗi bài ca dao.

Trả lời:

So với tiếng cười trong bài 1, tiếng cười ở các bài 2, 3, 4 là tiếng cười đã kích, châm biếm, phê phán xã hội. Nó hướng vào những thói hư tật xấu của một bộ phận trong nội bộ nhân dân.

* **Bài ca dao 2:** Chế giễu người đàn ông yếu đuối, không đáng sức trai. Bài ca dao sử dụng biện pháp khoa trương, phóng đại cùng với thủ pháp đối lập đã tạo nên một tiếng cười hài hước, châm biếm. Tính hài hước là ở chỗ, bài ca dao xây dựng hình ảnh đối lập giữa một bên là chàng trai có sức khỏe, mạnh mẽ nhưng lại phải cố gắng hết sức (khum lưng chống gối) chỉ để "gánh hai hạt vừng".

* **Bài ca dao 3:** Chế giễu loại đàn ông lười nhác, không có chí lớn. Bài ca dao sử dụng biện pháp so sánh, nêu lên sự đối lập giữa "chồng người" với "chồng em", làm cho người đàn ông được so sánh hiện lên buồn cười. Hình ảnh người đàn ông "ngồi bếp sờ đuôi con mèo" là tiêu biểu cho loại đàn ông lười nhác, nhát gan, không có chí lớn, chỉ biết ngồi ở xó nhà, ăn bám vợ.

* **Bài ca dao 4:** Chế giễu loại phụ nữ vô duyên. Tiếng cười của bài ca dao lại một lần nữa chủ yếu được xây dựng dựa trên nghệ thuật phóng đại và những liên tưởng phong phú của tác giả dân gian. Đằng sau tiếng cười hài hước, giải trí, mua vui, tác giả dân gian vẫn muốn thể hiện một lời châm biếm nhẹ nhàng.

Câu 3: Những biện pháp nghệ thuật thường được sử dụng trong ca dao hài hước.

Trả lời:

Những biện pháp nghệ thuật thường được sử dụng trong ca dao hài hước:

- Cường điệu phóng đại, tương phản đối lập.
- Khắc họa nhân vật bằng những nét điển hình có giá trị khái quát cao.

Soạn bài Ca dao hài hước - Ngữ văn lớp 10

- Dùng ngôn ngữ đời thường nhưng thâm thúy và sâu sắc.
- Có nhiều liên tưởng độc đáo, bất ngờ, lí thú.

LUYỆN TẬP:

Câu 1. Nêu cảm nghĩ về lời thách cưới của cô gái "*Nhà em thách cưới một nhà khoai lang*", từ đó cho biết tiếng cười tự trào của người lao động trong cảnh nghèo đáng yêu và đáng trân trọng ở chỗ nào?

Trả lời:

- Thách cưới là yêu cầu của nhà gái đối với nhà trai về tiền cưới và lễ vật. Lời thách cưới của cô gái: "*Nhà em thách cưới một nhà khoai lang*" có thể gọi cho em một nụ cười cảm thương, vừa hài hước vừa chua chát buồn thương cho sự nghèo khó của gia đình cô gái, nhưng cũng rất trân trọng vì sự thông minh, hóm hỉnh trong cách nói hài hước của cô.
- Tiếng cười tự trào của người lao động rất đáng yêu và đáng trân trọng, bởi nó thể hiện sự lạc quan, đồng thời biểu hiện sự thông minh, sắc xảo, hóm hỉnh của những tiếng cười.
- Tiếng cười cũng bật lên nhưng có gì như chia sẻ với cuộc sống còn khốn khó của người lao động. Đằng sau tiếng cười ấy là phê phán tục thách cưới nặng nề của người xưa.

Câu 2. Sưu tầm những bài ca dao hài hước phê phán thói lười nhác, lê la ăn quà vặt, nghiện ngập rượu chè; tệ nạn tảo hôn, phê phán thầy bói, thầy cúng, thầy địa lí, ...

Trả lời:

1. "*Cái cò là cái cò kì*

Ăn cơm nhà dì uống nước nhà cô

Đêm nằm thì gáy o o

Chưa đi đến chợ đã lo ăn quà"

"Bói cho một quẻ trong nhà

Con heo bốn cẳng, con gà hai chân"

Soạn bài Ca dao hài hước - Ngữ văn lớp 10

2. “Làm trai cho đáng nên trai

Ăn cơm với vợ lại nài vét niêu

Làm trai cho đáng nên trai

Vót đũa cho dài ăn vụng cơm con”

3. “Bà già đi chợ cầu Đông

Bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng ?

Thấy bói gieo quẻ nói rằng:

Lợi thì có lợi, nhưng... răng không còn”.

4. “Bồng bồng công chồng đi chơi

Đi đến chỗ lợi đánh rơi mất chồng

Chị em ơi cho tôi mượn cái gầu sòng,

Để tôi tát nước mức chồng tôi lên”.

5. “Gái một con trông mòn con mắt,

Gái hai con, con mắt liếc ngang”.

6. “Ăn no rồi lại nằm khoèo

Nghe giục trống chèo bé bụng đi xem.”